

DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC GIA (TCVN) VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

STT	Số hiệu TCVN	Tên TCVN	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	TCVN 9988:2013	Xác định nguồn gốc sản phẩm cá có vây – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối cá đánh bắt	<p>Tiêu chuẩn này quy định thông tin sẽ được ghi lại trong các chuỗi cung ứng cá đánh bắt trên biển nhằm thiết lập việc xác định nguồn gốc sản phẩm có xuất xứ từ cá đánh bắt.</p> <p>Tiêu chuẩn này quy định cách thức các sản phẩm cá được buôn bán, và thông tin về chúng sẽ được mỗi bên kinh doanh thực phẩm mua các sản phẩm này qua chuỗi phân phối tạo ra và lưu giữ.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cụ thể cho quá trình phân phối đến người tiêu dùng cá đánh bắt ở biển và các sản phẩm của chúng, từ khâu đánh bắt đến nhà bán lẻ hoặc bếp ăn lớn.</p> <p>CHÚ THÍCH: Cùng với TCVN 9989 (ISO 12877) về cá nuôi, tiêu chuẩn này cung cấp các vấn đề cơ bản để thực hiện chuỗi xác định nguồn gốc cá.</p>	
2	TCVN 9989:2013	Xác định nguồn gốc sản phẩm cá có vây – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối cá nuôi	<p>Tiêu chuẩn này quy định thông tin sẽ được ghi lại trong các chuỗi cung ứng cá nuôi nhằm thiết lập khả năng xác định nguồn gốc sản phẩm có xuất xứ từ cá nuôi.</p> <p>Tiêu chuẩn này quy định cách thức các sản phẩm cá được buôn bán, và thông tin về chúng sẽ được mỗi bên kinh doanh thực phẩm mua các sản phẩm này qua chuỗi phân phối tạo ra và lưu giữ.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho quá trình phân phối đến người tiêu dùng cá nuôi trồng và các sản phẩm của chúng, từ khâu nuôi ăn, gây giống và đánh bắt đến nhà bán lẻ hoặc bếp ăn lớn.</p> <p>CHÚ THÍCH Tiêu chuẩn này được áp dụng cùng TCVN</p>	

			9988 (ISO 12875) về cá đánh bắt và cung cấp các vấn đề cơ bản để thực hiện chuỗi xác định nguồn gốc cá.	
3	TCVN 12455:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp xác – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác nuôi	<p>Tiêu chuẩn này quy định thông tin cần được ghi lại trong các chuỗi cung ứng động vật giáp xác nuôi nhằm thiết lập việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ động vật giáp xác nuôi.</p> <p>Tiêu chuẩn này quy định cách thức phân định các sản phẩm động vật giáp xác nuôi, các thông tin cần tạo lập và lưu giữ đối với những sản phẩm này, bởi mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện mua bán sản phẩm qua chuỗi phân phối.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cụ thể cho quá trình phân phối động vật giáp xác và các sản phẩm từ động vật giáp xác dùng làm thực phẩm, từ cơ sở nuôi đến cơ sở bán lẻ hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với các chuỗi phân phối động vật giáp xác nuôi bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cơ sở nuôi <ul style="list-style-type: none"> 1) Thu gom giống 2) Ấp nở và ương giống nuôi động vật giáp xác 3) Thu hoạch; b) Cơ sở chế biến; c) Cơ sở buôn bán và cơ sở bán sỉ; d) Cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; e) Cơ sở logistic, kể cả với nguyên liệu mua từ bên ngoài; f) Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi. 	
4	TCVN 12456:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm động vật giáp	Tiêu chuẩn này quy định thông tin cần được ghi lại trong các chuỗi cung ứng động vật giáp xác đánh bắt tự nhiên	

		<p>xác – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối động vật giáp xác đánh bắt</p>	<p>nhằm thiết lập việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ động vật giáp xác đánh bắt tự nhiên.</p> <p>Tiêu chuẩn này quy định cách thức phân định các sản phẩm động vật giáp xác, các thông tin cần tạo lập và lưu giữ đối với những sản phẩm này, bởi mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện mua bán sản phẩm qua chuỗi phân phối.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cụ thể cho quá trình phân phối động vật giáp xác và các sản phẩm từ động vật giáp xác dùng làm thực phẩm, từ khâu đánh bắt đến cơ sở bán lẻ hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.</p> <p>Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với các chuỗi phân phối động vật giáp xác đánh bắt tự nhiên bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở đánh bắt; – Cơ sở kinh doanh tại cảng và chợ đầu giá thủy sản; – Cơ sở chế biến; – Cơ sở vận chuyển và cơ sở bảo quản; – Cơ sở buôn bán và cơ sở bán sỉ; – Cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; – Cơ sở logistic, kể cả với nguyên liệu mua từ bên ngoài. <p>Chuỗi phân phối động vật giáp xác bất kỳ có thể được tạo thành từ một số hoặc tất cả các thành phần nêu trên nhưng không nhất thiết phải theo trình tự đã được liệt kê.</p>	
5	TCVN 12457:2018	<p>Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể – Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân</p>	<p>Tiêu chuẩn này quy định thông tin cần được ghi lại trong các chuỗi cung ứng nhuyễn thể nuôi (ngoại trừ nhuyễn thể chân đầu) nhằm thiết lập việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ nhuyễn thể nuôi.</p>	

		phối nhuyễn thể nuôi	<p>Tiêu chuẩn này quy định cách thức phân định các sản phẩm nhuyễn thể nuôi, các thông tin cần tạo lập và lưu giữ đối với những sản phẩm này, bởi mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện mua bán sản phẩm qua chuỗi phân phối.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cụ thể cho quá trình phân phối nhuyễn thể và các sản phẩm từ nhuyễn thể dùng làm thực phẩm, từ cơ sở nuôi đến cơ sở bán lẻ hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.</p> <p>Các loại hình kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này cho các chuỗi phân phối nhuyễn thể nuôi như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở nuôi <ul style="list-style-type: none"> a) Cung cấp giống/thu gom giống tự nhiên; b) Ấp nở và ương giống; c) Nuôi nhuyễn thể; d) Thu hoạch; – Cơ sở làm sạch và tách vỏ v.v...; – Cơ sở chế biến; – Cơ sở vận chuyển và bảo quản; – Cơ sở buôn bán và cơ sở bán sỉ; – Cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; – Cơ sở logistic, kể cả với nguyên liệu mua từ bên ngoài; – Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi. <p>Chuỗi phân phối nhuyễn thể bất kỳ có thể được tạo thành từ một số hoặc tất cả các thành phần nêu trên nhưng không nhất thiết phải theo trình tự đã được liệt kê.</p>	
6	TCVN 12458:2018	Truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nhuyễn thể –	Tiêu chuẩn này quy định thông tin cần được ghi lại trong các chuỗi cung ứng nhuyễn thể đánh bắt tự nhiên nhằm	

		<p>Quy định về thông tin cần ghi lại trong chuỗi phân phối nhuyễn thể đánh bắt</p>	<p>thiết lập việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ nhuyễn thể đánh bắt tự nhiên.</p> <p>Tiêu chuẩn này quy định cách thức phân định các sản phẩm nhuyễn thể, các thông tin cần tạo lập và lưu giữ đối với những sản phẩm này, bởi mỗi cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện mua bán sản phẩm qua chuỗi phân phối.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cụ thể cho quá trình phân phối nhuyễn thể và các sản phẩm từ nhuyễn thể v, từ khâu đánh bắt đến cơ sở bán lẻ hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.</p> <p>Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với các chuỗi phân phối nhuyễn thể đánh bắt tự nhiên bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở đánh bắt; – Cơ sở kinh doanh tại cảng và chợ đầu giá thủy sản; – Cơ sở làm sạch và tách vỏ, v.v... – Cơ sở chế biến; – Cơ sở vận chuyển và cơ sở bảo quản; – Cơ sở buôn bán và cơ sở bán sỉ; – Các cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; – Cơ sở logistic, kể cả với nguyên liệu mua từ bên ngoài. <p>Chuỗi phân phối nhuyễn thể bất kỳ có thể được tạo thành từ một số hoặc tất cả các thành phần nêu trên nhưng không nhất thiết phải theo trình tự đã được liệt kê.</p>	
7	TCVN 12850:2019	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc	<p>Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc trong một tổ chức cũng như toàn bộ chuỗi cung ứng.</p>	

			<p>Tiêu chuẩn này được áp dụng cho tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, không phân biệt quy mô của tổ chức, chuỗi cung ứng.</p> <p>Tiêu chuẩn này được áp dụng đồng thời với các tiêu chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc cho từng lĩnh vực, sản phẩm.</p>	
8	TCVN 12851:2019	Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc	<p>Tiêu chuẩn này quy định các nguyên tắc và yêu cầu đối với năng lực, tính nhất quán và khách quan của tổ chức thực hiện việc đánh giá và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Việc chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc là hoạt động đánh giá sự phù hợp của bên thứ ba, do đó, tổ chức tiến hành hoạt động này là tổ chức đánh giá sự phù hợp bên thứ ba.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Trong tiêu chuẩn này chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc được gọi tắt là “chứng nhận” và tổ chức đánh giá sự phù hợp bên thứ ba được gọi là “tổ chức chứng nhận”.</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Tổ chức chứng nhận có thể là tổ chức thuộc chính phủ hoặc phi chính phủ (có hoặc không có thẩm quyền quản lý).</p>	
9	TCVN 13166-1:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 1: Yêu cầu chung	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm (bao gồm thịt tươi, thịt mát, thịt đông lạnh) để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với chuỗi cung ứng thịt bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Cơ sở chăn nuôi; b) Cơ sở vận chuyển; 	

			<p>c) Cơ sở giết mổ;</p> <p>d) Cơ sở sơ chế, chế biến;</p> <p>e) Nhà phân phối;</p> <p>f) Cơ sở bán lẻ.</p>	
10	TCVN 13166-2:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 2: Thịt trâu và thịt bò	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với chuỗi cung ứng thịt trâu và thịt bò để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này được sử dụng đồng thời với TCVN 13166-1:2020.</p>	
11	TCVN 13166-3:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 3: Thịt cừu	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với chuỗi cung ứng thịt cừu để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này được sử dụng đồng thời với TCVN 13166-1:2020.</p>	
12	TCVN 13166-4:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 4: Thịt lợn	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với chuỗi cung ứng thịt lợn để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này được sử dụng đồng thời với TCVN 13166-1:2020.</p>	
13	TCVN 13166-5:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng thịt gia súc và gia cầm – Phần 5: Thịt gia cầm.	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với chuỗi cung ứng thịt gia cầm để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này được sử dụng đồng thời với TCVN 13166-1:2020.</p>	
14	TCVN 13167:2020	Truy xuất nguồn gốc – Các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc	<p>Tiêu chuẩn này quy định các tiêu chí đánh giá đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nhằm xác định các yếu tố cần thiết để xây dựng các biện pháp thực hành đối</p>	

		thực phẩm	<p>với việc sản xuất và phân phối sản phẩm thực phẩm.</p> <p>Các tiêu chí đánh giá thể hiện dưới dạng danh mục kiểm tra (checklist), được thiết kế để áp dụng và/hoặc xem xét hệ thống truy xuất nguồn gốc hiện hành của tổ chức, bao gồm cơ sở sản xuất, cơ sở sơ chế, cơ sở chế biến, nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho chuỗi cung ứng thực phẩm.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho các tổ chức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cơ sở sản xuất bao bì và vật chứa; – Nông dân/cơ sở trồng trọt, chăn nuôi; – Cơ sở xuất khẩu và nhập khẩu; – Cơ sở cung cấp dịch vụ logistic; – Cơ sở sản xuất/cơ sở chế biến; – Cơ sở bán lẻ; – Cơ sở cung cấp dịch vụ lưu kho và ký gửi; – Cơ sở cung cấp dịch vụ logistic bên thứ ba; – Cơ sở vận chuyển; – Cơ sở bán buôn. 	
15	TCVN 13258:2020	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng hóa dược	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng thuốc hoá dược.</p> <p>Các bên tham gia chuỗi cung ứng thuốc hóa dược bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà sản xuất nguyên liệu thô/ thành phần hoạt chất dược phẩm; b) Nhà sản xuất thuốc hoá dược; c) Đơn vị đóng gói và đóng gói lại; d) Nhà phân phối, nhà bán buôn và nhà bán lẻ; e) Đơn vị cấp phát thuốc cho bệnh nhân (Ví dụ: bệnh viện, 	

			phòng khám, trạm y tế, v.v.). Tiêu chuẩn này áp dụng đồng thời với tiêu chuẩn TCVN12850:2019.	
16	TCVN 13142-1:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc – Phần 1: Yêu cầu đối với hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững	Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu mức cao đối với hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững, bao gồm các quá trình sau thu hoạch, nếu có thể và truy xuất nguồn gốc của cacao sản xuất bền vững của tổ chức sản xuất hạt cacao. CHÚ THÍCH 1: Các quá trình sau thu hoạch bao gồm tách vỏ quả, lên men, làm khô, phân loại, đóng gói, vận chuyển và bảo quản hạt cacao. Chỉ các tổ chức đáp ứng cả hai yêu cầu hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững của tiêu chuẩn này, hoặc Phụ lục A hoặc Phụ lục B của TCVN 13142-4:2020 (ISO 34101-4:2019) và các yêu cầu đối với kết quả thực hiện trong TCVN 13142-2 (ISO 34101-2) mới được khẳng định là hạt cacao của họ được sản xuất bền vững. CHÚ THÍCH 2: TCVN 13142-4 (ISO 34101-4) quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững ở mức ban đầu và mức trung bình.	
17	TCVN 13142-2:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc – Phần 2: Yêu cầu đối với kết quả thực hiện (về các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường)	Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với kết quả thực hiện về các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường để sản xuất cacao bền vững, bao gồm cả các quá trình sau thu hoạch, nếu áp dụng. CHÚ THÍCH: Các quy trình sau thu hoạch bao gồm tách vỏ, lên men, làm khô, phân loại, đóng gói, vận chuyển và bảo quản hạt cacao. Chỉ các tổ chức đáp ứng cả hai yêu cầu hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững theo TCVN 13142-1 (ISO 34101-1), hoặc Phụ lục A hoặc Phụ lục B của TCVN 13142-4:2020 (ISO 34101-4:2019) và các yêu	

			cầu về kết quả thực hiện của tiêu chuẩn này mới có thể công bố hạt cacao của họ được sản xuất bền vững.	
18	TCVN 13142-3:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc – Phần 3: Yêu cầu về truy xuất nguồn gốc	<p>Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu cơ bản để thiết kế và áp dụng các hệ thống truy xuất chuỗi cung ứng cacao đối với hạt cacao sản xuất bền vững và các sản phẩm cacao có nguồn gốc từ hạt cacao sản xuất bền vững phù hợp với TCVN 13142-2 (ISO 34101-2) và TCVN 13142-1 (ISO 34101-1) hoặc Phụ lục A hoặc Phụ lục B của TCVN 13142-4 (ISO 34101-4), như được mô tả trong lời giới thiệu.</p> <p>Tiêu chuẩn này cũng quy định các yêu cầu đối với hệ thống cân bằng khối lượng, theo đó cacao phù hợp với tiêu chuẩn này có thể được sử dụng cùng với cacao không phù hợp và cung cấp khả năng truy xuất nguồn gốc cần thiết trong quy trình sản xuất.</p> <p>Tiêu chuẩn này nêu rõ các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc cacao sản xuất bền vững từ tổ chức sản xuất cacao bền vững đến điểm ra khỏi cơ sở sản xuất sản phẩm bán lẻ cuối cùng.</p> <p>Tiêu chuẩn này không áp dụng cho hệ thống tín dụng.</p>	
19	TCVN 13142-4:2020	Cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc - Phần 4: Yêu cầu đối với các chương trình chứng nhận	<p>Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với các chương trình chứng nhận đối với cacao được sản xuất bền vững và có thể truy xuất nguồn gốc, bao gồm chứng nhận các cơ sở sản xuất hạt cacao và các đối tác tham gia chuỗi cung ứng cacao.</p> <p>Tiêu chuẩn này được sử dụng cùng với TCVN 13142-1 (ISO 34101-1), TCVN 13142-2 (ISO 34101-2) và/hoặc TCVN 13142-3 (ISO 34101-3).</p> <p>Tiêu chuẩn này cũng quy định các yêu cầu đối với các hệ</p>	

			<p>thống quản lý sản xuất cacao bền vững:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ở mức ban đầu, xem Phụ lục A. – Ở mức trung bình, xem Phụ lục B. <p>CHÚ THÍCH: TCVN 13142-1 (ISO 34101-1) quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững ở mức cao.</p> <p>Chỉ các tổ chức đáp ứng cả các yêu cầu của hệ thống quản lý sản xuất cacao bền vững trong TCVN 13142-1 (ISO 34101-1) hoặc Phụ lục A hoặc Phụ lục B của tiêu chuẩn này và các yêu cầu về kết quả thực hiện trong TCVN 13142-2 (ISO 34101-2) mới được công bố rằng hạt cacao của họ được sản xuất bền vững.</p>	
20	TCVN 13274:2020	Truy xuất nguồn gốc – Hướng dẫn định dạng các mã dùng cho truy vết	<p>Tiêu chuẩn này quy định hướng dẫn định dạng các mã dùng cho truy vết sử dụng trong hệ thống truy xuất nguồn gốc vật phẩm, hàng hoá.</p> <p>Tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho các mã định danh khác.</p>	
21	TCVN 13275:2020	Truy xuất nguồn gốc – Định dạng vật mang dữ liệu	<p>Tiêu chuẩn này quy định về định dạng vật mang dữ liệu để mã hóa các mã truy vết được sử dụng trên các dạng bao gói và hộp/vật đựng đặc thù của sản phẩm, hàng hóa trong chuỗi truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này có thể áp dụng để mã hóa các mã truy vết không theo chuẩn GS1.</p>	
22	TCVN 12827:2023	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rau quả tươi để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Áp dụng cho các biện pháp truy xuất nguồn gốc từ cơ sở trồng trọt ban đầu đến cơ sở bán lẻ hoặc cơ sở kinh doanh 	

			<p>dịch vụ ăn uống (truy xuất nguồn gốc bên ngoài) và điểm bán lẻ cho người tiêu dùng, để hỗ trợ các sự kiện theo dõi trọng yếu (CTE) như thu hoạch, đóng gói (đóng gói lại) sản phẩm, vận chuyển, tiếp nhận hàng, sơ chế và bán hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xem xét các biện pháp truy xuất nguồn gốc bắt đầu từ cơ sở trồng trọt; – Áp dụng cho tất cả các sản phẩm rau quả tươi dùng làm thực phẩm; – Áp dụng cho mọi cấp độ được định danh đơn nhất bao gồm sản phẩm ban đầu hoặc thương phẩm (ví dụ: hộp/thùng cac-tông, vật phẩm tiêu dùng), đơn vị logistic (ví dụ: thùng hàng, công-ten-nơ); – Bao gồm tất cả các bên tham gia chuỗi cung ứng: cơ sở trồng trọt, cơ sở đóng gói/cơ sở đóng gói lại, nhà phân phối, nhà bán buôn, cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. <p>Mỗi chuỗi cung ứng có thể được tạo thành từ một số hoặc tất cả các bên nêu trên.</p> <p>Mô hình chuỗi cung ứng rau quả tươi nêu trong tiêu chuẩn này là mô hình ứng dụng hệ thống GS1 để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p>	
23	TCVN 13805:2023	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Cơ sở chăn nuôi; b) Cơ sở cung cấp nguyên liệu; 	

			<p>c) Cơ sở vận chuyển và và logistic; d) Cơ sở chế biến; e) Nhà phân phối; f) Cơ sở bán lẻ.</p> <p>Mô hình chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa nêu trong tiêu chuẩn này là mô hình ứng dụng hệ thống GS1 để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p> <p>CHÚ THÍCH: Tham khảo Phụ lục A về một số công nghệ ứng dụng khác như blockchain (chuỗi khối), internet vạn vật (IoT), mã vạch thông minh.</p>	
24	TCVN 13814:2023	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng nước quả.	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng nước quả để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Áp dụng cho các biện pháp truy xuất nguồn gốc từ cơ sở chế biến nước quả đến cơ sở bán lẻ hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống (truy xuất nguồn gốc bên ngoài) và điểm bán lẻ cho người tiêu dùng, để hỗ trợ các sự kiện theo dõi trọng yếu (CTE) như tiếp nhận quả nguyên liệu, chế biến, chiết rót, vận chuyển, tiếp nhận hàng, xử lý và bán hàng; – Xem xét các biện pháp truy xuất nguồn gốc bắt đầu từ cơ sở trồng trọt; – Áp dụng cho mọi cấp độ được định danh đơn nhất bao gồm sản phẩm ban đầu hoặc thương phẩm (ví dụ: hộp/thùng cac-tông, vật phẩm tiêu dùng), đơn vị logistic (ví dụ: thùng hàng, công-ten-nơ). – Bao gồm tất cả các bên tham gia chuỗi cung ứng: cơ sở trồng trọt, cơ sở chế biến nước quả, cơ sở chiết rót, nhà phân phối, nhà bán buôn, cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Mỗi chuỗi cung ứng có thể được tạo 	

			<p>thành từ một số hoặc tất cả các bên nêu trên.</p> <p>Mô hình chuỗi cung ứng nước quả nêu trong tiêu chuẩn này là mô hình ứng dụng hệ thống GS1 để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p>	
25	TCVN 13840:2023	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cà phê nhân	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng cà phê nhân để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Áp dụng cho các biện pháp truy xuất nguồn gốc từ cơ sở trồng trọt ban đầu đến cơ sở bán lẻ (truy xuất nguồn gốc bên ngoài), để hỗ trợ các sự kiện theo dõi trọng yếu (CTE) như trồng trọt, chế biến, đóng gói sản phẩm, giao nhận, vận chuyển, và bán hàng; – Áp dụng cho mọi cấp độ được định danh đơn nhất bao gồm sản phẩm ban đầu hoặc thương phẩm (ví dụ: hộp/thùng cac-tông, mặt hàng tiêu dùng), đơn vị logistic (ví dụ: thùng hàng, công-ten-nơ). – Bao gồm tất cả các bên tham gia chuỗi cung ứng: cơ sở trồng trọt, cơ sở chế biến, cơ sở đóng gói, nhà phân phối, nhà bán buôn và cơ sở bán lẻ. Mỗi chuỗi cung ứng có thể được tạo thành từ một số hoặc tất cả các bên nêu trên. <p>Mô hình chuỗi cung ứng cà phê nhân nêu trong tiêu chuẩn này là mô hình ứng dụng hệ thống GS1 để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p>	
26	TCVN 13843:2023	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong, bao gồm cả mật ong bánh tổ, để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với chuỗi cung ứng mật ong bao gồm:</p>	

			<p>a) Cơ sở nuôi ong; b) Cơ sở cung cấp vật tư đầu vào (ong giống, thùng ong, dụng cụ chứa đựng mật ong v.v...); c) Cơ sở vận chuyển và logistic; d) Cơ sở chế biến mật ong; e) Nhà phân phối; f) Cơ sở bán lẻ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.</p> <p>Mỗi chuỗi cung ứng mật ong có thể được tạo thành từ một số hoặc tất cả các loại hình nêu trên nhưng không nhất thiết phải theo trình tự được liệt kê.</p> <p>Mô hình chuỗi cung ứng mật ong nêu trong tiêu chuẩn này là mô hình ứng dụng hệ thống GS1 để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.</p>	
27	TCVN 13987:2024	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu về thu thập thông tin trong truy xuất nguồn gốc thực phẩm	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu thu thập thông tin trong truy xuất nguồn gốc thực phẩm.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm thực phẩm đóng gói nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin truy xuất nguồn gốc đảm bảo tính đầy đủ và khả năng thu hồi sản phẩm trên toàn bộ chuỗi cung ứng.</p> <p>Tiêu chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm thực phẩm không đóng gói.</p>	
28	TCVN 13991:2024	Truy xuất nguồn gốc – Hướng dẫn truy xuất nguồn gốc thủy sản	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các hướng dẫn về cách xác định, định danh và theo dõi đối tượng truy xuất nguồn gốc, các thành phần dữ liệu cần thu thập và lưu trữ đối với các bên tham gia vào chuỗi cung ứng thủy sản dùng cho người.</p> <p>Tiêu chuẩn này được áp dụng đối với thủy sản đánh bắt và nuôi trồng.</p> <p>Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với các sản phẩm thủy</p>	

			sản đánh bắt và nuôi trồng sau: nhuyễn thể, động vật giáp xác và cá có vây).	
29	TCVN 13994:2024	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với quá trình sản xuất thuốc lá	<p>Tiêu chuẩn này quy định các nguyên tắc chung, yêu cầu cơ bản, phương pháp và quy trình đối với hoạt động truy xuất nguồn gốc trong quá trình sản xuất thuốc lá điều.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng để thiết lập, mở rộng và hoàn thiện phương pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong quá trình sản xuất thuốc lá điều của các đơn vị sản xuất thuốc lá điều.</p>	
30	TCVN 13988:2024	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rượu vang	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với các bên tham gia vào chuỗi cung ứng rượu vang làm từ nho để truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc quản lý định danh, thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin trong chuỗi cung ứng rượu vang.</p>	
31	TCVN 13990:2024	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với logistic chuỗi lạnh cho thực phẩm	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với dịch vụ logistic chuỗi lạnh cho thực phẩm để truy xuất nguồn gốc.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc quản lý truy xuất trong các khâu logistic lạnh như vận chuyển, lưu kho, xếp dỡ thực phẩm đóng gói sẵn từ cuối quá trình sản xuất đến trước khi bán hàng.</p>	
32	TCVN 13995:2024	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng trang thiết bị y tế	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng trang thiết bị y tế.</p> <p>Các bên tham gia chuỗi cung ứng trang thiết bị y tế bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cung cấp nguyên vật liệu thô/các thành phần, - Nhà sản xuất trang thiết bị y tế, - Nhà bán buôn/nhà phân phối, 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị Logistic bên thứ ba/đơn vị vận chuyển, - Nhà bán lẻ; - Đơn vị cấp phát trang thiết bị y tế (Ví dụ: bệnh viện, phòng khám, trạm y tế, v.v.). <p>Tiêu chuẩn này áp dụng đồng thời với tiêu chuẩn TCVN 12850:2019.</p>	
33	TCVN 13993:2024	Truy xuất nguồn gốc – Hướng dẫn thu thập thông tin đối với chuỗi cung ứng chè	Tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn thu thập thông tin nhằm phục vụ các yêu cầu truy xuất nguồn gốc tại các công đoạn: quản lý vườn chè, sản xuất, chế biến, lưu thông và tiêu thụ chè.	
34	TCVN 13989:2024	Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sản phẩm dược mỹ phẩm.	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm để truy xuất nguồn gốc. Các bên tham gia chuỗi cung ứng dược mỹ phẩm bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nhà sản xuất nguyên liệu thô / thành phần hoạt chất dược mỹ phẩm; b) Nhà sản xuất dược mỹ phẩm; c) Nhà phân phối, nhà bán buôn và nhà bán lẻ. 	
35	TCVN 13992:2024	Truy xuất nguồn gốc – Hướng dẫn thu thập thông tin đối với chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em	<p>Tiêu chuẩn này đưa ra các hướng dẫn đối với việc thu thập và lưu trữ thông tin trong hệ thống truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng đồ chơi trẻ em.</p> <p>Tiêu chuẩn này áp dụng cho đơn vị sản xuất nguyên vật liệu, đơn vị thu mua nguyên vật liệu, đơn vị sản xuất đồ chơi trẻ em.</p>	